

# VỀ SỰ CHUYỂN HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ĐINH XUÂN LÝ\*

**K**hi bàn về quá trình *đổi mới đường lối, chiến lược đối ngoại* của Việt Nam từ năm 1986 đến nay, các tác giả trong nước và nước ngoài có những nhận định khác nhau:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) là mốc đổi mới chiến lược đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam (1):

Tác giả Cổ Tiểu Tùng (Phó Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây, Trung Quốc), cho rằng: “Cải cách, mở cửa của Việt Nam thực sự bắt đầu từ năm 1986. Năm đó là một cột mốc quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam” (2).

Cùng quan điểm với ý kiến trên đây trong cuốn sách *75 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2005)* của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tác giả cho rằng: “Đại hội VI mở đầu quá trình *đổi mới chiến lược và chính sách đối ngoại của Đảng*” (3).

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, Nghị quyết Số 13/NQ-TW, ngày 20-5-1988 của Bộ Chính trị khoá VI, Đảng Cộng sản Việt Nam, *Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới* đã chuyển hướng toàn bộ chiến lược (hoặc đánh dấu bước chuyển

có ý nghĩa chiến lược) đối ngoại của Việt Nam (4):

Trong bài *Vietnamese Foreign Policy: Multilateralism and the Threat of Peaceful Evolution* (Chính sách đối ngoại Việt Nam: đa phương hóa và nguy cơ diễn biến hoà bình), tác giả Carlyle A. Thayer cho rằng: “Chỉ đến tháng 5-1988, *định hướng chính sách đối ngoại mới của Việt Nam mới được thể chế hóa* (TG nhấn mạnh), đánh dấu bằng Nghị quyết Bộ Chính trị số 13 nhấn mạnh định hướng *chính sách đối ngoại đa phương hóa*” (5).

Cố Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch, trong bài trả lời phỏng vấn Tạp chí *Quan hệ quốc tế* nhân dịp năm mới (1990), cũng cho rằng “Nghị quyết 13 về đối ngoại của Bộ Chính trị (5-1988) là một cuộc đổi mới mạnh mẽ về tư duy trong việc đánh giá tình hình thế giới, trong việc đề ra mục tiêu và *chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại* (TG nhấn mạnh) của ta” (6).

Loại ý kiến thứ ba cho rằng, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII (6-1991) đã đổi mới chính sách đối ngoại của Việt Nam:

Tác giả Kent Bolton, trong bài *Domestic Sources of Vietnam's Foreign Policy* (Cơ sở

---

\*TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

bên trong của chính sách đối ngoại Việt Nam) viết: "Đổi mới trong chính sách đối ngoại đã bắt đầu được manh nha từ cuối thập kỷ 1980. Đến Đại hội VII vào năm 1991 thì "sự mở cửa" và "đa phương hoá" đã trở thành đặc trưng trong sự đổi mới chính sách đối ngoại của Việt Nam" (7).

Ngoài vấn đề về mốc thời gian, các tác giả còn đưa ra những thuật ngữ khác nhau để chỉ các "cấp độ" đổi mới như: "đổi mới chiến lược và chính sách đối ngoại"; "bước chuyển có ý nghĩa chiến lược đường lối chính sách đối ngoại hoặc chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại.

Trên cơ sở những tư liệu lịch sử và thực tiễn hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong 20 năm qua, đồng thời có kế thừa kết quả của các học giả trong nước và nước ngoài, bài viết này góp phần xác định rõ mốc thời gian đổi mới về đường lối, chiến lược đối ngoại và cấp độ đổi mới về đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

1. Khi tìm hiểu nhận thức của Đảng về tình hình thế giới và xu thế quốc tế trong văn kiện Đại hội lần thứ VI (12-1986), có thể thấy điểm mới qua nhận định: "đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất" (8), hình thành một thị trường thế giới mà trong đó, hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa vì yêu cầu phát triển nên phải hợp tác với nhau nhưng trong trạng thái đấu tranh, cạnh tranh quyết liệt. Và vì vậy, theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thì: "Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa chính trị ngày càng quan trọng đối với kết cục của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống..., giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, sự lựa

chọn duy nhất đúng đắn là thi đua về kinh tế, về lối sống..." (9).

So với quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ V (10), thì Đại hội VI đã thể hiện rõ sự đổi mới nhận thức của Đảng về thế giới, về quan hệ chính trị quốc tế đương đại. Có lẽ vì vậy mà tác giả Eero Palmujoki, trong bài Ideology and Foreign Policy: Vietnam's Marxist - Leninist Doctrine and Global Change 1986-96 (Ý thức hệ và chính sách đối ngoại: Học thuyết Mác-Lênin ở Việt Nam và sự thay đổi toàn cầu 1986-1996) khi nhận xét về đường lối đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 cho rằng, Việt Nam đã "xóa bỏ một số khái niệm cũ, như "ai thắng ai" và ba dòng thác cách mạng, đưa nhiều thuật ngữ mới... Những cụm từ then chốt mới này là cách mạng khoa học kỹ thuật thế giới, sự tùy thuộc hay sự phụ thuộc lẫn nhau, xu thế quốc tế hóa và một trật tự quốc tế" (11).

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mới nói trên, qua văn kiện Đại hội VI cũng cho thấy, nhận thức của Đảng về tình hình thế giới còn những mặt hạn chế, như khi đưa ra nhận định: "Các lực lượng cách mạng của thời đại đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động tiến công. Lực lượng mọi mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột, ngày càng được tăng cường" (12). Thực tế thì, công cuộc cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô ngày càng bế tắc, khủng hoảng kinh tế, chính trị ở các nước này đã trở nên nghiêm trọng; tình hình cách mạng thế giới đang lâm vào tình trạng khó khăn.

Mặt khác, trong văn kiện Đại hội VI, chiến lược đối ngoại của Đảng về chủ trương lớn, cơ bản vẫn hoạch định trên cơ sở ý thức hệ và phương thức tập hợp lực

lượng theo đặc trưng của thời kỳ chiến tranh lạnh, thể hiện trong nhiệm vụ, chính sách đối ngoại của Đảng và định hướng chính sách đối ngoại của Việt Nam là: "Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta" (13); coi phát triển, củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương là "quy luật sống còn và phát triển của cả ba dân tộc anh em..." (14).

Như vậy, tại thời điểm Đại hội VI, trên lĩnh vực đối ngoại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những đổi mới về cách thức tiếp cận, xem xét vấn đề thời đại, xu thế quốc tế. Trong đó, nổi bật là việc nhận thức được ý nghĩa chính trị của "thi đua về kinh tế" trong cuộc đấu tranh giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau; xu thế hợp tác giữa các nước không phân biệt chế độ kinh tế - xã hội là điều kiện quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, tôi đồng ý với nhận định của tác giả trong cuốn sách *Tìm hiểu vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam*, cho rằng chiến lược đối ngoại của Đảng trong văn kiện Đại hội VI, về những chính sách lớn "cơ bản, vẫn được hoạch định trên cơ sở ý thức hệ và kiểu tập hợp lực lượng đặc trưng của thời kỳ đối đầu Đông - Tây" (15). Có lẽ chính vì vậy mà tác giả Carlyle A. Thayer, khi bàn về chính sách đối ngoại của Việt Nam từ giữa thập kỷ 80 thế kỷ XX, đã nhận xét như sau: "Đường lối, chính sách cũ và mới không triệt tiêu lẫn nhau. Ý thức hệ và những lợi ích quốc gia không phải là những khái niệm đối nghĩa. Chúng trùng lặp và cùng tồn tại" (16). Cho nên, không thể coi Đại hội VI của Đảng (1986) là mốc mở đầu quá trình đổi mới chiến lược và chính sách đối ngoại của Việt Nam.

2. Sau gần hai năm thực hiện đường lối đổi mới, ngày 20-5-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết Số 13/NQ-TW về *nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới*. Nhận định tình hình thế giới và xu thế quốc tế, Bộ Chính trị cho rằng, từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến rất quan trọng. Để thích ứng với xu thế mới trong quan hệ quốc tế, "các nước lớn, kể cả những nước có tiềm lực mạnh, buộc phải giảm chạy đua vũ trang hạt nhân và chi phí quốc phòng, giảm cam kết về quân sự ở bên ngoài và dàn xếp với nhau về các vấn đề khu vực để tập trung vào củng cố bên trong, chạy đua ráo riết về kinh tế và khoa học kỹ thuật nhằm tạo ra một nền kinh tế phát triển cao vào cuối thế kỷ này. Xu thế đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau ngày càng phát triển" (17). Trong bối cảnh đó, đối với Việt Nam, Bộ Chính trị cho rằng "Với một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh cùng với sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế chúng ta sẽ càng có nhiều khả năng giữ vững độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội hơn" (18). Quan điểm trên đây thể hiện bước phát triển mới về tư duy của Đảng so với quan điểm của Đại hội VI (19).

Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị nêu rõ những cơ hội, thách thức đối với cách mạng nước ta; xác định mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Việt Nam là *giữ vững hoà bình và phát triển kinh tế*. Nghị quyết nêu rõ: "phải củng cố và giữ vững hoà bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế. Đó là nhân tố quyết định củng cố, giữ vững an ninh và độc lập..." (20).

Để phục vụ mục tiêu giữ vững hoà bình, phát triển kinh tế, Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị đề ra yêu cầu, trong quan hệ quốc tế phải thực hiện "thêm bạn, bớt thù";

kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại hòa bình; kiên quyết mở rộng quan hệ và đa dạng hoá quan hệ hợp tác quốc tế.

Nghị quyết đề ra những chính sách lớn về đối ngoại như: trong quan hệ đối với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, không để những mâu thuẫn vốn không đối kháng, trở thành mâu thuẫn đối kháng; đổi mới và nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác với Liên Xô trên cơ sở cùng có lợi; kiên trì và chủ động tạo điều kiện để bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, khôi phục quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Đối với Campuchia, Đảng xác định, trên nguyên tắc cách mạng Campuchia phải do nhân dân nước này tự giải quyết và chủ trương đổi mới cách giúp đỡ nhân dân Campuchia nhanh chóng tự gánh vác lấy trách nhiệm của họ. Về quan hệ với các nước ASEAN: nếu như trong mười năm trước đó chính sách của Việt Nam là tăng cường liên minh ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia) làm đối trọng với các nước ASEAN, coi đây là nhân tố quyết định để giữ hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á, thì lúc này quan điểm của Đảng là không đối lập giữa các nước Đông Dương với ASEAN và chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa với các nước, nhằm thúc đẩy việc xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác.

Đối với Mỹ, Đảng chủ trương giải quyết cơ bản vấn đề người Mỹ mất tích, vấn đề cho người di tản ra đi có trật tự; khuyến khích chính giới, các nghị sĩ, các nhà kinh doanh, các Việt kiều ở Mỹ vào Việt Nam trao đổi, hợp tác. Về quan hệ với các nước phương Tây, chủ trương của Đảng là thúc

đẩy quan hệ kinh tế, khoa học, kỹ thuật trước hết là với Pháp, Thụy Điển, Phần Lan, các nước Tây Âu, Bắc Âu với Nhật Bản, Ôt-xtrây-li-a; thiết lập quan hệ kinh tế với Thị trường chung châu Âu.

Về làm nghĩa vụ quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phải căn cứ vào điều kiện và khả năng của Việt Nam, phù hợp với mục tiêu chiến lược của ta nhằm giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế... Như vậy so với quan điểm của Đảng ở Đại hội VI (21), Nghị quyết 13 Bộ Chính trị đã có sự đổi mới rõ rệt về quan điểm làm nghĩa vụ quốc tế.

Trên cơ sở những quan điểm, chính sách nói trên, hoạt động ngoại giao Việt Nam cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX tập trung vào các trọng điểm như: *giải quyết vấn đề phức tạp nhất là vấn đề Campuchia* (22). Tháng 9-1989, quân tình nguyện Việt Nam rút hết Campuchia; *cải thiện quan hệ với Trung Quốc*, cuộc gặp cao cấp không chính thức giữa hai nước tại Thành Đô, Trung Quốc tháng 9-1990, mở đầu cho việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước; *giải quyết những vấn đề tồn tại giữa nước ta với các nước ASEAN bằng thương lượng*, thúc đẩy quá trình xây dựng khu vực hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác; *tích cực cải thiện quan hệ với Mỹ*, cùng với họ giải quyết vấn đề POW/MIA (23); chủ động bàn bạc với Mỹ về vấn đề Campuchia; *mở rộng quan hệ với các nước tư bản phát triển*. Tháng 10-1990, Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng đồng châu Âu...

Như vậy, Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị đã đổi mới tư duy đối ngoại liên quan đến các quan niệm về quan hệ quốc tế, về an ninh và phát triển; về đoàn kết quốc tế và tập hợp lực lượng trong quan hệ quốc tế của Việt Nam. Bộ Chính trị coi đây là sự *chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại*. Sự

chuyển hướng chiến lược này đã đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế của Việt Nam.

3. Đại hội Đảng lần thứ VII họp vào tháng 6-1991. Đại hội xác định trọng tâm của công tác đối ngoại là tiếp tục tạo môi trường quốc tế hòa bình, ổn định tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điểm mới của Đại hội VII so với Đại hội VI là việc nhận thức trong đời sống chính trị - kinh tế quốc tế, quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, bên cạnh lợi ích mang tính giai cấp, mang tính ý thức hệ còn có những lợi ích mang tính phổ biến, tính toàn cầu, do đó nhu cầu cần có sự phối hợp, hợp tác giữa các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế là một nhu cầu khách quan. Vì vậy, tư duy xác định "bạn, thù" trên cơ sở tiêu chí ý thức hệ đơn thuần của thời kỳ Chiến tranh lạnh không còn phù hợp nữa, mà đòi hỏi phải mềm dẻo hơn, linh hoạt hơn. Từ đó Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương "hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình" (24), với phương châm "Việt

Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" (25). Điểm mới tiếp theo là, Đại hội VII đề ra chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế và chủ trương gia nhập các tổ chức quốc tế, các hiệp hội kinh tế khi cần thiết và có điều kiện.

Thực tế cho thấy, Đại hội VII của Đảng tiếp tục bổ sung, phát triển các quan điểm, chính sách đối ngoại được đề ra trong Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (20-5-1988). Cho nên không thể coi đây là mốc đánh dấu *sự đổi mới chính sách đối ngoại* của Việt Nam.

Tóm lại, Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị đã đánh dấu *sự chuyển hướng chiến lược đối ngoại của Việt Nam* (26). Trên tinh thần sự chuyển hướng chiến lược ấy, hoạt động đối ngoại trong những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX đạt được những kết quả quan trọng: giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch giữa Việt Nam với các nước, mở cửa giao lưu hợp tác với bên ngoài, tạo vị thế mới cho đất nước trong quan hệ quốc tế.

## CHÚ THÍCH

(1). Xem thêm:

- Bộ Ngoại giao, Vụ Tổng hợp Kinh tế: *Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam* (Sách tham khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 127.

- Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 7-2006, tr. 30.

- Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 8 (364)/2006, tr. 33;

- Nguyễn Xuân Sơn - Nguyễn Văn Du (Đồng chủ biên): *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế*

kỷ XXI, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 188.

- Trình Mưu, Nguyễn Thế Lực, Nguyễn Hoàng Giáp (Đồng chủ biên): *Quá trình triển khai thực hiện chính sách đối ngoại của Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005, tr. 121, 127.

(2). Thông tấn xã Việt Nam: Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 037-TTX, thứ ba, ngày 13-2-2007, tr. 6.

(3). Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *75 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2005)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, tr. 187.

(4). Xem thêm:

- Bộ Ngoại giao, Vụ Chính sách đối ngoại: *"Tổng kết chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta qua 20 năm đổi mới"*, Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ; Hà Nội, 12-2004, tr. 25;

- *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 324-325.

- Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 10/2006, tr. 36.

(5). Edited by, Carlyle A. Thayer, Ramses Amer: *Vietnamese Foreign Policy in Transition*, Institute of Southeast Asian Studies, tr. 2-3.

(6). Nguyễn Cơ Thạch: *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta*, Tạp chí *Quan hệ Quốc tế*, số 1, 1-1990, tr. 7.

(7). Edited by, Carlyle A. Thayer, Ramses Amer: *Vietnamese Foreign Policy in Transition*, Institute of Southeast Asian Studies, tr. 172.

(8). Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 34.

(9). Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 35, 36, 37.

(10). Văn kiện Đại hội V nhận định: "Sau thất bại của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, cách mạng thế giới bước vào một thời kỳ phát triển mới. Ba dòng thác cách mạng của thời đại lớn mạnh vượt bậc, kết thành một sức mạnh hết sức to lớn, đã giành được những thắng lợi rực rỡ trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội... Với Liên Xô là trụ cột, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng phát huy mạnh mẽ tác dụng là nhân tố quyết định chiều hướng phát triển của xã hội loài người, là thành trì vững chắc của hoà bình, là chỗ dựa tin cậy cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới", Trích: Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 135, 136.

(11). Edited by, Carlyle A. Thayer, Ramses Amer: *Vietnamese Foreign Policy in Transition*, Institute of Southeast Asian Studies, tr. 31.

(12). Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 33.

(13). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 99, 100.

(14). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 100.

(15). Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị: *Tìm hiểu vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 343.

(16). Edited by, Carlyle A. Thayer, Ramses Amer: *Vietnamese Foreign Policy in Transition*, Institute of Southeast Asian Studies, tr. 1.

(17). Nguyễn Cơ Thạch: *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta*, Tạp chí *Quan hệ Quốc tế*, số 1, 1-1990, tr. 7.

(18). Nguyễn Cơ Thạch: *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta*, Tạp chí *Quan hệ Quốc tế*, số 1, 1-1990, tr. 7.

(19). Văn kiện Đại hội VI xác định: "Công cuộc bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng vũ trang và không vũ trang và bằng mọi phương tiện cần thiết" (Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 39).

(20). Nguyễn Cơ Thạch: *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta*, Tạp chí *Quan hệ Quốc tế*, số 1, 1-1990, tr. 7.

(21). Trong Văn kiện Đại hội VI, Đảng ta xác định "Là một đội ngũ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Đảng ta tích cực góp phần vào việc tăng cường đoàn kết của phong trào trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tăng cường sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội" (Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 102).

(22). Từ năm 1979, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN... đặt yêu cầu Việt Nam rút quân khỏi Campuchia là điều kiện tiên quyết cho việc chấm dứt bao vây, cấm vận Việt Nam.

(23). POW (Prisoners of War) "Tù nhân chiến tranh"; MIA (Missing in Action) "mất tích trong chiến tranh.

(24). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 88.

(25). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 147.

(26). Một nhà nghiên cứu nước ngoài khi bàn về chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn này cũng nhận xét như sau: "Trong suốt nửa cuối thập kỷ 80, giới lãnh đạo Việt Nam đã có các chuyển biến lớn trong nhận thức về chính sách đối ngoại... chuyển từ đường lối đối ngoại mang đậm tư tưởng ý thức hệ sang đường lối đối ngoại coi trọng lợi ích quốc gia và tư tưởng chính trị thực tế" (Edited by, Carlyle A. Thayer, Ramses Amer: *Vietnamese Foreign Policy in Transition*, Institute of Southeast Asian Studies, tr. 1).